

CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2101 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 25 tháng 8 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa “Mua sắm Vật tư
thay thế cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 –
Phần Điện”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm hàng hóa “Mua sắm Vật tư thay thế cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 – Phần Điện”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 120 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h00 ngày 12/09/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.

Email: giangtth@pvpqb.vn; trimq@pvpqb.vn; hunglt@pvpqb.vn; dongpv@pvpqb.vn; dacnlm@pvpqb.vn; nhanbaogia.hn@pvpqb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐ SH1: N.V.Chính (để b/c);
- Lưu VT, TM (M.Q.T).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

Phụ lục: Mua sắm Vật tư thay thế cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 – Phần Điện
(Đính kèm công văn số: 2401/NMDSH1-TM ngày 25/08/2026)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
L PHÂN ĐIỆN								
1	59801026	Máy nén lạnh Copeland 5HP	Máy nén lạnh Copeland 5HP Model: ZR61KCE-TFD-522 Công suất 5 Hp Công suất làm lạnh : 54.000 BTU/h Môi chất lạnh: R407C Điện áp: 380V/3P/50Hz	Copeland		1	Cái	(*)
2	35610044	Auto transformer AT36	Auto transformer AT36 Model: AT36 - Điện áp: 0 - 400 - 500 V - Công suất: 60 VA - Màu dây đầu vào - ra: Black - Yellow - Red	Airlink	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
3	34434009	Digital Metter KDA-3P	Digital Metter KDA-3P - Model: KDA-3P - Aux power: AC 90 ~ 260V (50/60Hz) / DC 110V - Operating temperature: -10~50°C - Maximum input: Approximately 110% of each measurement input - Input: + Range 0.05~6A (rated CT : 5A) + Accuracy ± (0.3% of rdg + 0.2% of F.S) - Display: + Text height (LED): 20.5(0.8")mm Red + Measuring interval: 1 Times/ sec	Lightstar	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
4	34461003	Digital Metter KDB-3P	Digital Metter KDB-3P - Model: KDB-3P - Aux power: AC 90 ~ 260V (50/60Hz) / DC 110V - Operating temperature: -10~50°C - Maximum input Approximately: 110% of each measurement input - Input: + Range 30~500V(PT ratio) + Accuracy ±(0.3 of rdg + 0.2% of F.S) - Display: + Text height (LED): 20.5(0.8")mm Red + Measuring interval: 1Times/ sec	Lightstar	Châu Âu/OECD	2	Cái	(*)
5	33420037	Remote Switch 5TT4103-0 16AX - 400V	Remote Switch 5TT4103-0 16AX - 400V - Model: 5TT4103-0 - Operating voltage: 250-400V - Control voltage: 230 V AC - Switching current (max.): 16A - Min. temperature: -10 °C - Max. temperature: +40 °C - Mounting method: DIN rail - Dimension: (W x H x D) 36 x 90 x 76 mm - Number of NO contacts: 3 - Operating cycles: 50000	Siemens	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
6	59801008	Refrigeration Compressor	Refrigeration Compressor Model: JT170G-P4Y1@T - Power Source AC:380-415V50Hz,3PH - Oil Type: DAPHNE OIL FVC68D - DP-AP H 4.17 Mpa L 4.17Mpa - SP: 12.51 Mpa - Refrigerant: R410A	Daikin		1	Cái	(*)
7	34619007	Connector	Model: GS-400-3 Dòng định mức: 400 A Số cực: 3P (3 pha)	HYOSUNG		4	Cái	(*)
8	34619006	2nd Connector	Model: GS-2M-400-3 Dòng định mức: 400 A Số cực: 3P (3 pha)	HYOSUNG		4	Cái	(*)
9	34633112	Contactor 3P, 24V DC	Model: LC1D09BL Product or component type: Contactor Poles description: 3P [Uc] rated operational voltage: Power circuit: ≤ 690 V AC 25..400 Hz; Power circuit: ≤ 300 V DC [Ie] rated operational current: 9 A (at <60 °C) at ≤ 440 V AC AC-3 for power circuit [Uc] control circuit voltage: 24 V DC Pole contact composition: 3 NO Auxiliary contact composition: 1 NO + 1 NC Height 77 mm Width 45 mm Depth 95 mm	Schneider		2	Cái	(*)
10	34633111	Contactor 3P, 48V DC	Model: LC1D09EL Product or component type: Contactor Poles description: 3P [Uc] rated operational voltage: Power circuit: ≤ 690 V AC 25..400 Hz; Power circuit: ≤ 300 V DC [Ie] rated operational current: 9 A (at <60 °C) at ≤ 440 V AC AC-3 for power circuit [Uc] control circuit voltage: 48 V DC Pole contact composition: 3 NO Auxiliary contact composition: 1 NO + 1 NC Height 77 mm Width 45 mm Depth 95 mm	Schneider		1	Cái	(*)

M.S.C.N: 01
CH
PHÁT Đ
TẬP ĐOÀN
NĂNG LƯ
VII
THÀNH P

✗

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
11	39569004	Main board cục nóng (Main Board Outdoor)	Model cục nóng: RKC71UVMV Power supply: 220-240 VAC-50Hz Cooling capacity: 7100 W Input: 2230 W Refrigerant: R32 Maximum current: 11,5 A	DAIKIN		1	Cái	(*)
12	51615004	Inverter	Type Code: TR200P30KT4E55H3X GXXSXSXXXXAEBXCXXXXX - P/N: 131X9874 - S/N: 002808H367 - 30KW/40 HP - Input: 3x380-480V, 50/60Hz, 60/53 A - Output: 3x0-Vin -590Hz 61/52 A - Type 12/ IP55 Tamb. 45 độ C/113 độ F	TRANE	G7/OECD	1	Cái	(*)
13	34434009	Digital Metter	- Model: KDA - 3P - Aux. power: AC 90 ~ 260V (50/60Hz) / DC 110V - Operating temperature: -10~50°C - Maximum input: Approximately 110% of each measurement input - Input: + Range 0.05 ~ 6A (rated CT: 5A) + Accuracy ± (0.3% of rdg + 0.2% of F.S.) - Display: + Text height (LED) 20.5 (0.8") mm Red + Measuring interval: 1 Times/sec	Lightstar	OECD	1	Cái	(*)
14	31510004	Cáp điện	- Model: SIWO-KUL D30 1x6,0 1,1 kV YE - Nexans Ref.: 10507211 - Construction characteristics: + Conductor material: Tinned copper + Conductor flexibility: Flexible class 5 + Insulation: Special Silicone + Outer sheath Silicon elastomer - Dimensional characteristics: + Conductor cross-section: 6 mm² + Nominal outer diameter: 5.3 mm + Conductor diameter 2.85 mm - Electrical characteristics: + Operating voltage: 1.1 kV + Test voltage: 4 kV + Max. DC resistance of the conductor at 20°C: 3.39 Ohm/km + Breakdown voltage: 10 kV - Usage characteristics: + Operating temperature, range: -55 ~ 180 °C + Maximum operating temperature: 180 °C + Fire retardant: IEC 60332-3-24 (cat C)	Nexans hoặc tương đương	Châu Âu/ OECD	100	Mét	
15	32012143	Đầu cos chịu nhiệt độ cao	- Part Number: N5.5-8; - Vật liệu: Niken; - Chiều dài: 1.1mm; - Đường kính lỗ Bulong: 8.4 mm - Nhiệt độ vận hành liên tục: 400°C.	Nichu hoặc tương đương		200	Cái	
16	37085047	Ông Gen Amiang Sợi Thủy Tinh	Thông số kỹ thuật - Đường kính trong: 6mm - Vật liệu: Sợi thủy tinh không chứa kiềm - Nhiệt độ làm việc liên tục: khoảng 400°C - Nhiệt độ chịu đốt ngót: lên đến 600°C - Màu sắc: Trắng sữa - Tính chất: Cách nhiệt - cách điện - chống cháy	Tương đương		100	Mét	
17	34438002	Digital Panel Meter	- Model: DM2C-MT71, - Input: AC 220V & AC 1A, 50Hz; - Aux. Power: AC/DC 100~240V; - Wire connection: 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W; - Display Ratio: Programmable;	KYONGBO ELECTRIC	OECD	5	Cái	(*)
18	59801023	Refrigeration Compressor	Model: 50R4732 Tần số: 50 Hz Điện áp: 220-240V Pha: 1 pha Dòng khởi động (L.R.A): 48.1 A Loại gas lạnh (REFR): R-22	Trane		1	Cái	(*)
19	33898040	Van tiết lưu điều hòa	DC12V, DM-27R, Fujikoki	FUJIKOKI		2	Cái	(*)
20	59801008	Refrigeration Compressor	Model: JT170G-P4Y1@T - Power Source AC 380-415V50Hz, 3PH - Oil Type: DAPHNE OIL FVC68D - DP-AP H 4.17 Mpa L 4.17Mpa - SP: 12.51 Mpa - Refrigerant: R410A	DAIKIN		1	Cái	(*)
21	59801028	Refrigeration Compressor	Model: JT15JBVDK@T - Power Source AC: 380-440VAC; 3 Pha, 50/60 Hz - REF: R410A - REF OIL DAPHNE FVC68D - DP-AP H 4.0 MPa L 4.0 Mpa - SP: 12.0 MPa PHASE: ARRANGEMENT	DAIKIN		1	Cái	(*)

006
HÀN
N DÃ
CÔNG
NG QU
NAM
Ô

2

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
II. PHẦN C&I								
22	59001012	AM6020 MOBILE PA AMPLIFIER	AM6020 MOBILE PA AMPLIFIER Power: - Input: 12V/24V 3.5A ; Negative ground Fuse T4A Speaker Impedance: 4-8-16 Ω	RCF	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
23	39408010	Cáp D-Sub DB25Male/Female	Cáp D-Sub DB25Male/Female - Model: 12 DSB 01 - Mã đặt hàng: 218-820-000 - Cable harness with 12 twin wires, SUB-D socket and screw-type terminal block for digital and/or analogue linecard.	Industronic	Châu Âu/OECD	1	Pcs	(*)
24	39557006	Bộ điều khiển Máy nén khí	Bộ điều khiển Máy nén khí - Part no: 1900520022 - Power supply: 24VAC/10VA, 50/60HZ - Bộ điều khiển được cấu hình các thông số hoạt động và các thông số truyền thông sử dụng được cho máy nén khí số 4 tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hầu 1. - Bao gồm các phần mềm để cấu hình kết nối với bộ điều khiển máy nén khí: Modi5, Speci5.	Atlas Copco	Châu Âu/OECD	1	Bộ	(*)
25	51898118	Cooling Fan Fulltech	Cooling Fan Fulltech Model: Fulltech UF-15P23 BTH Voltage: 230VAC Frequency: 50/60Hz Current: 0.23/0.18A Power: 35/30W Speed: 2750/3100rpm Airflow: 170/195CFM Static Pressure: 0.42/0.38 inch H2O Noise: 50/55dBA Size: 172x150x51mm Frame Material: Aluminum Termination: 2 Terminals Unit weight: 0.9kg	Fulltech		2	Cái	(*)
26	39533002	Zirconia converter	Zirconia converter - ZR402G - Suffix: -T-E-E-A - Supply: 100-240 VAC - Converter thread: 1/2NPT - Display: English - Instruction manual: English	Yokogawa	Châu Âu/OECD	2	Bộ	(*)
27	34560013	Incremental Encoder	Part No: 05962250 OG70 DN 4096 C1 Phải có khả năng sử dụng thay thế cho encoder giảm sát tốc độ đồng cơ quay cân CSU 02. Model: OG70 DN 4096 C1 nhà cung cấp SEW, SN: 700001762736 Thông số động cơ: Motor SEW-EURODRIVE KAF97 DRN180L4/BE20HF/TF/XV1C/V/DUE	SEW	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
28	39412031	Pin Laptop Lenovo (ThinkPad-20GB000PUS)	Lenovo BATTERY, 11.4V, 42Wh, 3cell. Lenovo, Thinkpad Rechargeable Li-on Battery Pack NOM 11.4V - 3685mAh 42Wh, ASM P/N: SB10J78991 FRU P/N: 00HW043	Lenovo		1	Bộ	(*)
29	34427030	Proximity sensor	Model: PRT30-15DO Sensing distance: 15mm ±10% Hysteresis: Max. 10% of sensing distance Setting distance: 0 ~ 10.5mm Power supply: 24 VDC Protection: IP67 (IEC standard) Cable spec: Ø5 x 2P, 2m	AUTONICS	Châu Âu/ OECD	6	Cái	(*)
30	88532005	Keyboard Network	Model: KRA-NK Power supply: 12V-1A P/N: 5 0 01 99 0202	KBVISION	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
31	34487074	Looppowered Process Indicator	- Model: RIA15- 3M15/101 - Power Supply: 24 VDC - Input range: 4-20 mA - Degree of protection: IP67 - Operating temperature: approximately - 40 °C to +60 °C	Endress+Hauser	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
32	38304169	Universal Driver Module	- Model: EXD-U02 (804752) - Supply voltage: 24 VAC ±10% - Protection class: IP20 - Connector: Screw terminals for wire size 0.5-2.5 mm2 - Mounting: DIN rail mounted - Housing: Aluminum	Emerson	Châu Âu/ OECD	4	Cái	(*)
33	39553047	Universal Driver Module	Model: 612XB-M - Flange: ASME150Lb - Size: 100A - Body: FCD450 - Disc: SCS13 - Seat: NBR CRV -10A - Supply: 200V, 50/60Hz, 1~ - Motor: 25W, 0.5A, 30 min, Class E - Speed: 31/50 Hz, 26/60Hz, sec:90o - Lubricant: Grease Alvania EP2	OKM Okumura Engineering corp	Châu Âu/ OECD	2	Cái	(*)
34	51898076	Dynamic blowers	ASC0080-1MS370-5 Voltage: 115/230 VAC - 50Hz	AIRTECH	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)

15920
KH
NGHIỆP
CƠ GIẢ
A NỘI

2

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
35	51342003	Quick exhaust valve	- Model: VSC 522-08 - Port sizes: 1/2" NPTF - Operating temperature: 32°F - 175°F, (dry air necessary down to -4° F) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi)	Camozzi	Châu Âu/ OECD	24	Cái	(*)
36	51342004	Quick exhaust valve	- Model: VSC 544-04 - Port sizes: 1/4" NPTF - Operating temperature: 32°F - 175°F, (dry air necessary down to -4° F) - Operating pressure: 0.3 - 10 bar, (5 - 145 psi)	Camozzi	Châu Âu/ OECD	26	Cái	(*)
37	34488030	Pressure Transmitter	Model: 7MF0300-1QU01-5AF2-ZA00+E00+H01+Y01+Y21+Y15 - Type: SITRANS P320 - Communication: HART, 4 - 20 mA - Measuring cell filling: Silicone oil - Maximum measuring span: 16 bar (232 psi) - Process connection: Version for diaphragm seal pressure - Wetted parts materials: process connection, seal diaphragm: Stainless steel 316L/1.4404, stainless steel 316L/1.4404 - Non-wetted parts materials: Die-cast aluminum - Enclosure: dual chamber device	SIEMENS	Châu Âu/ OECD	1	Cái	(*)
38	39510070	Bộ đếm bi Ballrecircu	Model: U-BR-001 + Phù hợp cho hệ thống CTCS/DF của Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu I + Bao gồm User manual của thiết bị + Tham khảo tài liệu: - "Technical Datasheet for CTCS" SH1-DHI-P1PAH-MM01-DAS-3767 Rev.A Page 5/5 - "Schematic/Wiring Diagram for CTCS/DF" SH1-DHI-P1PAH-I-M01-DWD-3768 Rev.0DCN3 Page 18,19/44 - "Operating&Maintenance Manual for Condenser Tube Cleaning System" SH1-DHI-P1PAH-M-M01-MAN-3777 Rev.4 Page 11,12/36	DOOSAN	OECD	4	Cái	(*)
39	34428017	Temperature indicator	- Model: T190 - Part number: T1906Y1ED010482 - Length: 150 mm - Diameter: 150 mm - Steam out diameter: 6mm - Range: 0 - 100 deg C	Wise	OECD	2	Cái	(*)
40	34428018	Temperature indicator	- Model: T190 - Part number: T1906Y1ED210653 - Length: 100 mm - Diameter: 150 mm - Steam out diameter: 8 mm - Range: 0 - 120 deg C	Wise	OECD	3	Cái	(*)
41	34428019	Temperature indicator	- Model: T190 - Part number: T1906Y1ED211493 - Length: 175 mm - Diameter: 150 mm - Steam out diameter: 8mm - Range: 0 - 200 deg C	Wise	OECD	4	Cái	(*)
42	34486022	Flow Transmitter	Flow Transmitter - Model: 8732EMR1A1M4C1 - Power Supply: 90 - 250VAC, 50/60Hz - Transmitter Output: 4-20mA - Electrical Connection: Size 1/2" NPT (F) - Enclosure Class: IP 66, NEMA 4X Flow Sensor - Model: 8705TNE005 - Liner Material: PTFE - Line Size: 1/2"	Emerson	Châu Âu/G7/OECD	1	Bó	(*)
43	34427136	Proximity Switch	Model: PSNT17-SDOU - Power Supply: 15-30VDC - Sensing distance: 5mm - Wire type: 2-wire	Autonics	OECD	6	Cái	(*)
44	34502041	Speed Sensor	Model: SDN1 FA04 ESDR - Signal technology: - Output: 1: NPN - Supply voltage: 8 - 32 V DC	RHEINTACHO	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	(*)
45	88529002	Overspeed/Underspeed Monitor	- Model: KFUS-DW-1D; - Power Supply: 24 VDC; - PART NUMBER: 190149	Pepperl+Fuchs	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	(*)
46	51335285	Pilot valve	- Model: SPV10-225; - Power Supply: 230 VAC	Autel	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	(*)
47	36696088	Sounder/Beacon	- Model: SEP LED MS32; - Power Supply: 24 VDC - Part No: 50901	Sirena		1	Cái	(*)
48	36696089	Signal Horn	Type: HTG; - Power Supply: 24 VDC; - Order number: 713100005	Auer Signal		1	Cái	(*)
49	36696090	Plastic Horn Speaker With Driver	- Model: HD 3216; - Part Number: 13133039	RCF		1	Cái	(*)
50	33406091	Push Button	- Model: LA39; - Voltage Rating: 660 VAC, - Amperage Rating: 10 A.	ART		1	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
51	35050005	Relay	Mã sản phẩm: RR2P-UL - Pin terminal: DPDT - Style: With indicator - Điện áp cuộn dây: 220V AC	IDEC		3	Cái	(*)
52	34599068	Air regulator	Model: SAR 4000T04BG - Type: Air regulator - Body size: 1/2 - Handle type: T type handle - Port size: Rc 1/2 - Accessory: Bracket; Gauge	SKP		3	Cái	(*)
53	39412028	Máy tính	- Model: Optiplex XE2. - CPU: Intel Core i5-4570S @2.9GHz - RAM: 8GB DDR3L-1600MHz cho PC Desktop (hoặc 02 thanh, mỗi thanh 4GB DDR3L-1600MHz). - Ổ cứng: 500GB HDD, 7200RPM, 3.5", SATA. - Hệ điều hành: Windows 10 Enterprise 2016 LTSB x64bit - Emerson certified để kết nối với Ovation Network (Ovation 3.6.0) của Nhà máy điện Sông Hậu 1 - Tương thích với các chương trình cần thiết để thực hiện chức năng OPC Client kết nối với hệ thống kích từ hiện hữu của Nhà máy điện Sông Hậu 1.	DELL/ Emerson		1	Cái	(*)
54	38304122	Monitor Module	FMM-101 - Nominal Operating Voltage: 15-32 VDC - Average operating current: 350 μ A, 1 communication every 5 seconds, 47k EOL; 600 μ A Max. (Communicating, IDC Shorted). - Maximum IDC wiring resistance: 1500 Ohms - Maximum IDC Voltage: 11 Volts. - Maximum IDC Current: 450 μ A. - EOL resistance: 47k Ohms. - Temperature Range: 32°F to 120°F (0°C to 49°C). - Humidity: 10% to 93% Non-condensing. - Dimensions: 1.3" (3.302 cm) high x 2.75" (6.985 cm) wide x 0.65" (1.651 cm) deep. - Wire Length: 6" (15.24 cm) minimum.	NOTIFIER		8	Cái	(*)

Yêu cầu khác:

- Các danh mục hàng hóa có (*) danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Việc hư hỏng có nguy cơ gây dừng tổ máy để xử lý do đó đòi hỏi cao về độ tin cậy vật liệu và tính đồng bộ tuyệt đối với thiết kế gốc, nhằm đảm bảo khả năng chịu đồng bộ theo thiết kế của hệ thống Đo đó. Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích đồng bộ với thiết bị hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài ổn định, hiệu suất cao nhất;

- Đối với các danh mục hàng hóa còn lại nhà thầu có thể chào hàng hóa chính hãng hoặc hàng hóa tương đương
- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:

+ Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ(CO), chứng chỉ chất lượng(CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử hoặc tài liệu có tính chất tương tự)

+ Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu bàn giao hàng hóa.

*Lưu ý: Đề thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bảng chào giá đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.



7